

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3334/QĐ-ĐHCT ngày 24 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ)

Ngành: **Quản lý thủy sản** (Fisheries Management)

Mã ngành: 7620305

Thời gian đào tạo: 4,5 năm

Danh hiệu: Kỹ sư

Đơn vị quản lý: Bộ môn Quản lý và Kinh tế Nghề cá, Khoa Thủy sản

1. Mục tiêu đào tạo

1.1 Mục tiêu đào tạo chung

Đào tạo kỹ sư Quản lý thủy sản có hệ thống kiến thức cơ bản và chuyên môn sâu về quản lý ngành thủy sản. Người học được trang bị các kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn thành thạo để đảm nhận trực tiếp công việc về kinh tế- kỹ thuật và quản lý tại các cơ sở sản xuất kinh doanh và dịch vụ thủy sản, các cơ quan nghiên cứu và các cơ sở đào tạo có liên quan đến thủy sản nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để góp phần phát triển ngành thủy sản trở thành ngành kinh tế quan trọng, hiện đại và sản xuất chủ động thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu.

1.2 Mục tiêu đào tạo cụ thể

a. Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học xã hội – nhân văn, khoa học chính trị, quốc phòng-an ninh, giáo dục thể chất, ngoại ngữ và công nghệ thông tin làm cơ sở để tiếp thu các kiến thức nghề nghiệp.

b. Trang bị cho sinh viên kiến thức về cơ sở ngành và chuyên ngành bao gồm: kiến thức về quản lý sản xuất và các dịch vụ thủy sản; quản lý nguồn lợi và khai thác thủy sản; nuôi trồng thủy sản và tiêu thụ sản phẩm thủy sản;

c. Đào tạo sinh viên kỹ năng nghề nghiệp để thực hiện quản lý sản xuất và các dịch vụ thủy sản; quản lý nguồn lợi và khai thác thủy sản; quản lý nuôi trồng; tổ chức sản xuất thích ứng điều kiện biến đổi khí hậu và tiêu thụ sản phẩm thủy sản;

d. Rèn luyện sức khỏe, kỹ năng giao tiếp và tác phong chuyên nghiệp; nghiên cứu khoa học và học tập nâng cao trình độ; phát triển ý thức công dân và trách nhiệm nghề nghiệp.

2. Chuẩn đầu ra

2.1 Kiến thức

2.1.1 Khỏi kiến thức giáo dục đại cương

Khái quát các kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học xã hội - nhân văn, khoa học chính trị; công nghệ thông tin, giáo dục thể chất và quốc phòng - an ninh; Đạt được trình độ tiếng Anh hoặc tiếng Pháp tương đương trình độ bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam (B1 theo khung tham chiếu Châu Âu).

2.1.2 Khỏi kiến thức cơ sở ngành

Trình bày các cơ sở và nguyên lý về nuôi trồng thủy sản, quản lý môi trường và nguồn lợi thủy sản, chế biến các sản phẩm thủy sản, qui luật kinh tế và quản lý sản xuất, kinh doanh thủy sản chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu và đáp ứng nhu cầu thị trường.

2.1.3 Khôi kiến thức chuyên ngành

a. Mô tả qui trình sản xuất giống và nuôi một số đối tượng nuôi thủy sản chủ lực, quản lý các hoạt động sản xuất và kinh doanh.

b. Mô tả hoạt động khai thác, điều động tàu cá trong khai thác thủy sản và công cụ quản lý nguồn lợi,.

c. Trình bày nguyên lý kinh tế trong quản lý nghề cá theo chuẩn thương mại, quản lý chuỗi sản xuất và tiêu thụ sản phẩm thủy sản, phương thức quản trị sản xuất giúp điều hành hiệu quả các hoạt động sản xuất kinh doanh và dịch vụ thủy sản.

2.2 Kỹ năng

2.2.1 Kỹ năng cứng

Tổ chức quản lý sản xuất, kinh doanh và dịch vụ thủy sản, quản lý nguồn lợi thủy sản, xây dựng thương hiệu cho ngành thủy sản nâng cao khả năng cạnh tranh và hội nhập quốc tế.

2.2.2 Kỹ năng mềm

Phát triển kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm trong các hoạt động chuyên ngành, kỹ năng ngoại ngữ và công nghệ thông tin.

2.3 Thái độ/Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân

Phát triển ý thức đạo đức nghề nghiệp, năng lực tự học và học tập suốt đời, ý thức rèn luyện sức khỏe để phục vụ cộng đồng.

3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

- Chuyên viên/nghiên cứu viên tại các cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương và Trung ương.
- Chuyên viên/nghiên cứu viên/giảng viên ở các cơ sở đào tạo, nghiên cứu và qui hoạch thủy sản, các tổ chức phi chính phủ và các dự án phát triển thủy sản trong nước và quốc tế.
- Cán bộ quản lý tại các cơ sở sản xuất và cung cấp dịch vụ trong ngành thủy sản.
- Nhân viên quản lý chuỗi cung ứng và dịch vụ logistics trong ngành thủy sản.
- Chủ trang trại/hợp tác xã/giám đốc kinh doanh cho các cơ sở thủy sản.

4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Có khả năng tự học tập, nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ vào thực tế sản xuất;
- Có khả năng học tập bậc sau đại học liên quan lĩnh vực thủy sản và học tiếp chương trình đào tạo văn bằng 2.

5. Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà đơn vị tham khảo

- Chương trình đào tạo ngành Quản lý thủy sản Trường Đại học Nha Trang (QĐ số 1177 ĐHNT ngày 30 tháng 12 năm 2016; Mã ngành 52620399).
- Chương trình đào tạo ngành Kinh tế thủy sản, Trường Đại học Kagoshima (Nhật Bản) và chương trình đào tạo ngành Kinh tế tài nguyên, Trường Đại học Malaysia Terengganu (UMT), Malaysia.

6. Chương trình đào tạo

TT	MSMH	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Tiết LT	Tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	Học kỳ thực hiện
Khôi kiến thức đại cương										
1	QP010E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		37	8			Bổ trí theo nhóm ngành
2	QP011E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		22	8			Bổ trí theo nhóm ngành
3	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	2	2		14	16			Bổ trí theo nhóm ngành
4	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	2	2		4	56			Bổ trí theo nhóm ngành

TT	MSMH	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Tiết LT	Tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	Học kỳ thực hiện	
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2 (*)	1+1		2		60			I,II,III	
6	TC013	Boi lội (*)	1	1			30			I,II,III	
7	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4		AV	60				I,II,III	
8	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3			45			XH023	I,II,III	
9	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3			45			XH024	I,II,III	
10	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4			60			XH025	I,II,III	
11	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3			45			XH031	I,II,III	
12	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3			45			XH032	I,II,III	
13	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	4			PV	60				I,II,III
14	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3				45			FL001	I,II,III
15	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	3				45			FL002	I,II,III
16	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)	4				60			FL003	I,II,III
17	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3		45				FL007	I,II,III	
18	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)	3		45				FL008	I,II,III	
19	TN033	Tin học căn bản (*)	1	1			15				I,II,III
20	TN034	TT. Tin học căn bản (*)	2	2			60		TN033	I,II,III	
21	ML014	Triết học Mác – Lênin	3	3		45				I,II,III	
22	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		30		ML014		I,II,III	
23	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30		ML016		I,II,III	
24	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30		ML018		I,II,III	
25	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML019		I,II,III	
26	KL001E	Pháp luật đại cương	2	2		30				I,II,III	
27	TN128	Thống kê sinh học	2	2		30				I,II,III	
28	TN129	TT. Thống kê sinh học	1	1			30		TN128	I,II,III	
29	TN021	Hóa vô cơ và hữu cơ đại cương	2	2		30				I,II,III	
30	TN022	TT. Hóa vô cơ và hữu cơ đại cương	1	1			30		TN021	I,II,III	
31	TN042	Sinh học đại cương	2	2		30				I,II,III	
32	TN043	TT. Sinh học đại cương	1	1			30		TN042	I,II,III	
33	ML007	Logic học đại cương	2		2	30				I,II,III	
34	XH011E	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			30					I,II,III
35	XH012	Tiếng việt thực hành	2			30					I,II,III
36	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2			30					I,II,III
37	XH028	Xã hội học đại cương	2			30					I,II,III
38	KN001	Kỹ năng mềm	2			20	20				I,II,III
39	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2			20	20				I,II,III

Cộng: 48 TC (Bắt buộc: 34 TC; Tự chọn 14 TC)

Khối kiến thức cơ sở ngành

40	TS104	Sinh thái thủy sinh vật	2	2		30				I,II
41	TS410	Quản lý chất lượng môi trường ao nuôi thủy sản	2	2		30				I,II
42	TS118	Dinh dưỡng và thức ăn thủy sản B	2	2		20	20			I,II
43	TS426	Chế biến thủy sản	2	2		30				I,II
44	TS337	Dịch bệnh thủy sản	2	2		20	20			I,II
45	TS153	Hình thái và phân loại tôm, cá	3	3		30	30			I,II
46	TS383	Đa dạng và bảo tồn sinh vật biển	2	2		30				I,II
47	TS201	Phương pháp thu và phân tích nguồn lợi thủy sản	2	2		30				I,II
48	TS183	Luật và các điều ước quốc tế về biển	2	2		30				I,II
49	TS244	Quản lý nghề cá ven bờ	2	2		30				I,II
50	KT101E	Kinh tế vi mô 1	3	3		45				I,II
51	TS308	Kinh tế thủy sản	2	2		30				I,II
52	TS349	Kinh tế tài nguyên thủy sản	2	2		30				I,II
53	TS121	Phương pháp nghiên cứu kinh tế - Xã hội nghề cá	2	2		30				I,II
54	TS432	Marketing thủy sản	2	2		30				I,II
55	TS147	Phương pháp nghiên cứu khoa học - thủy sản	2	2		20	20			I,II
56	TS287	Quản lý tài nguyên thủy sinh vật	2	2		30				I,II

TT	MSMH	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Tiết LT	Tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	Học kỳ thực hiện	
57	TS315	Thuốc và hóa chất trong thủy sản	2		6	30				I,II	
58	TS175	Đánh giá tác động môi trường thủy sản	2			30				I,II	
59	TS247	Sinh học nghề cá	2			30				I,II	
60	TS192E	Tập tính động vật thủy sản	2			30				I,II	
61	TS103	Ngư nghiệp đại cương	2			30				I,II	
Cộng: 42 TC (Bắt buộc: 36 TC; Tự chọn 6 TC)											
Khối kiến thức Chuyên ngành											
62	TS241	Kỹ thuật sản xuất giống và nuôi cá nước ngọt	2	2		30				I,II	
63	TS409	Kỹ thuật sản xuất giống và nuôi giáp xác	2	2		30				I,II	
64	TS330	Thực tập giáo trình Kỹ thuật thủy sản	4	4			120			I,II	
65	TS433	Đánh giá và quản lý nguồn lợi thủy sản	2	2		20	20			I,II	
66	TS231	Kỹ thuật khai thác thủy sản	3	3		30	30			I,II	
67	TS234	Các mô hình quản lý nghề cá	2	2		30				I,II	
68	TS356	Kinh tế sản xuất thủy sản	3	3		45				I,II	
69	TS351	Quản lý tổng hợp vùng ven biển	2	2		30				I,II	
70	TS206	Xây dựng và thẩm định dự án đầu tư	2	2		30				I,II	
71	TS380	Quản trị doanh nghiệp thủy sản	2	2		30				I,II	
72	TS243	Quản lý nghề cá cộng đồng	2	2		30				I,II	
73	TS253	Truy xuất nguồn gốc sản phẩm thủy sản	2	2		30				I,II	
74	TS265	Thực tập quản lý kinh tế thủy sản	4	4			120			I,II	
75	TS266	Thực tập giáo trình - QLNLTS	6	6			180			I,II	
76	TS271	Thực tập thực tế - TS	6	6			180			III	
77	TS245	Quản trị chuỗi cung ứng và chuỗi giá trị thủy sản	2	2		30				III	
78	TS237	Chuyên đề phát triển kinh tế thủy sản	2	2			60			III	
79	TS204E	Phân tích hoạt động kinh doanh	2		8	30				III	
80	TS242	Logistics trong thủy sản	2			30					I,II
81	TS184	GIS và viễn thám trong nghề cá	2			30					I,II
82	TS272E	Phát triển kinh tế biển	2			30					I,II
83	TS413	Vệ sinh an toàn thực phẩm thủy sản	2			30					I,II
84	TS411	Quy hoạch phát triển thủy sản	2		30					I,II	
85	TS508	Luận văn tốt nghiệp - QLTS	15		15		450	≥125TC		I,II	
86	TS439	Tiểu luận tốt nghiệp - QLTS	6				180			I,II	
87	TS256	Tổng hợp kiến thức kỹ thuật - QLTS	3			45				I,II	
88	TS257	Tổng hợp kiến thức quản lý - QLTS	3			45				I,II	
89	TS250	Chuyên đề xây dựng và quản lý dự án thủy sản	3				90			I,II	
90	TS295	Chuyên đề quản lý Nguồn lợi thủy sản	2				60			I,II	
91	TS238	Chuyên đề các mô hình quản lý thủy sản	2				60			I,II	
92	TS291	Chuyên đề chẩn đoán bệnh động vật thủy sản	2			60		I,II			
Cộng: 71 TC (Bắt buộc: 48 TC; Tự chọn 23 TC)											
Tổng cộng: 161 TC (Bắt buộc: 118 TC; Tự chọn 43 TC)											

(*): là học phần điều kiện, không tính điểm trung bình chung tích lũy. Sinh viên có thể hoàn thành các học phần trên bằng hình thức nộp chứng chỉ theo quy định của Trường Đại học Cần Thơ hoặc học tích lũy.

Ngày 24 tháng 8 năm 2022

BAN GIÁM HIỆU
HIỆU TRƯỞNG

HỘI ĐỒNG KH&ĐT
CHỦ TỊCH

KHOA THỦY SẢN
TRƯỞNG KHOA



Hà Thanh Toàn

Trần Trung Tính

Vũ Ngọc Út